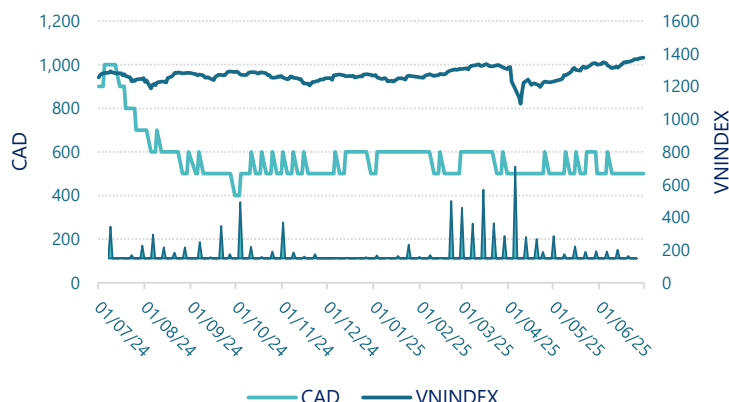


CTCP Chế biến và Xuất nhập khẩu Thủy sản Cadovimex (UPCOM: CAD)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	1,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	400
SL cổ phiếu LH	20,799,927
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,060
% sở hữu nước ngoài	8.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	10
P/E	-0.4
EPS	-1,386

DT thuần

Q2/25

4.52

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.77 | 20.5%

YoY: ▲ 0.58 | 14.7%

LN sau thuế

Q2/25

-3.45

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 1.50 | -76.7%

YoY: ▲ 19.8 | 85.1%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

-76.2%

+/- YoY: ▼ 119%

DT thuần

6T 2025

8.27

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1.70 | 25.8%

LN sau thuế

6T 2025

-5.40

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 48.8 | 90.0%

ROE

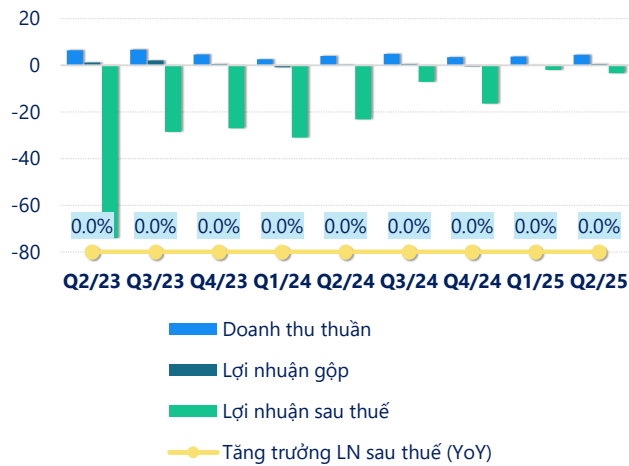
Q2/25

1.9%

+/- YoY: ▼ 5.8%

tỷ VNĐ

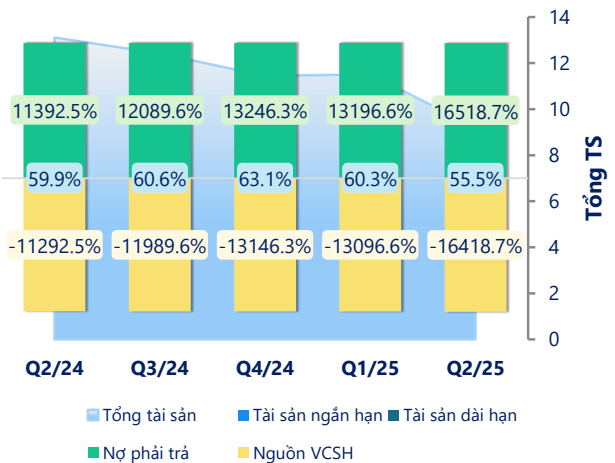
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

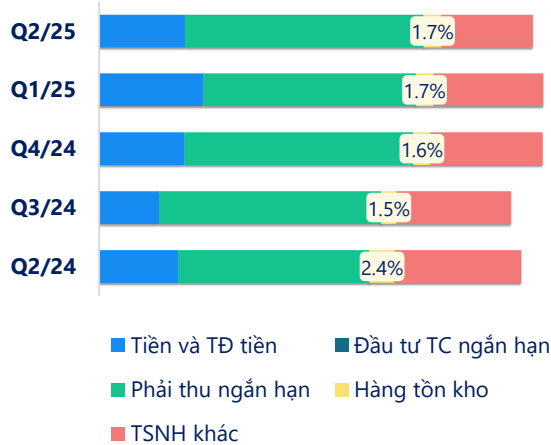
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



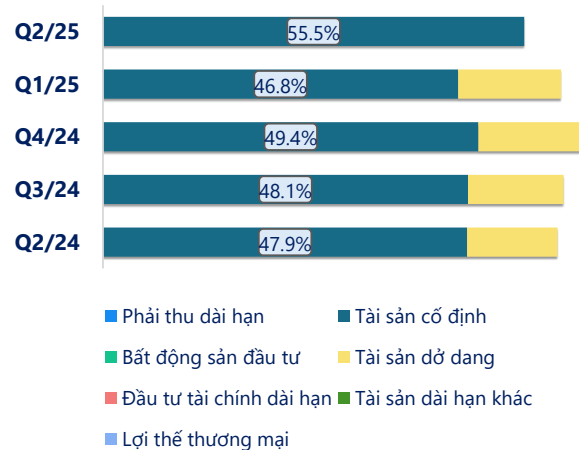
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

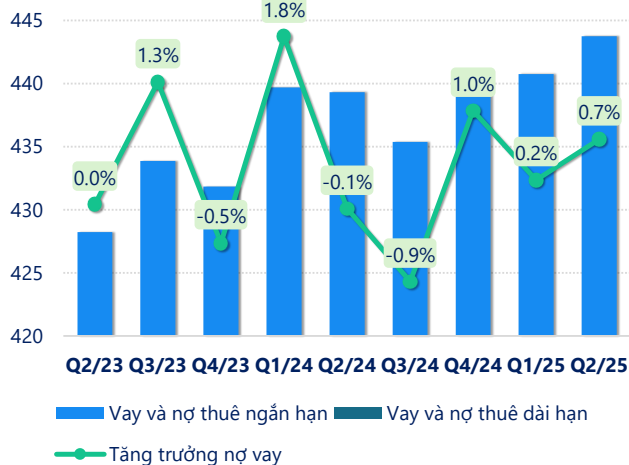
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

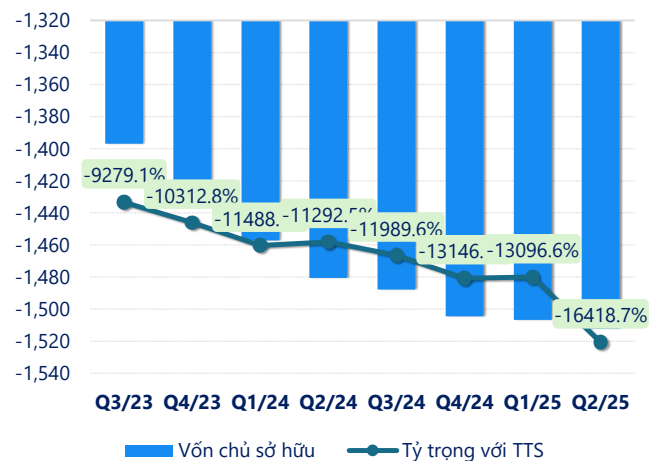
Nợ vay



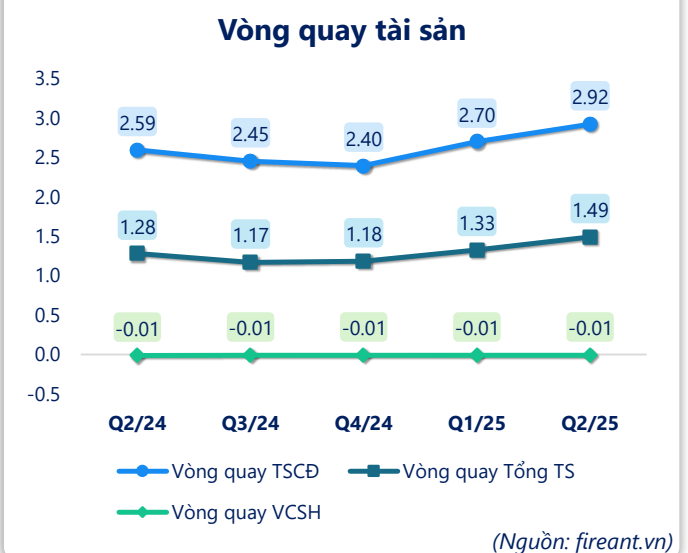
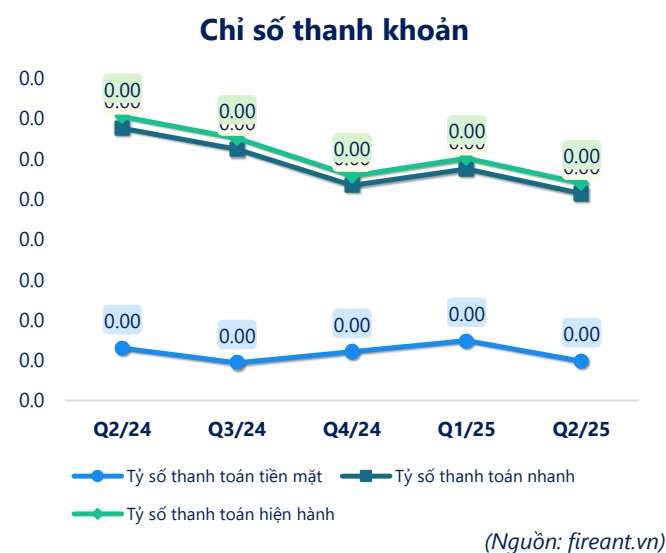
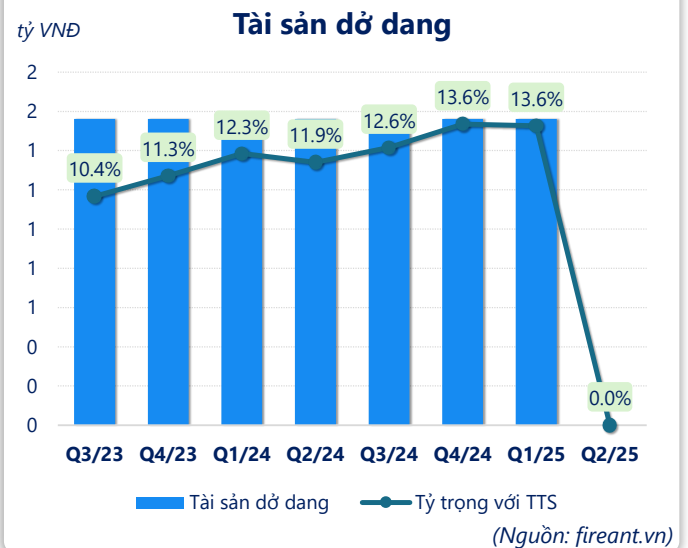
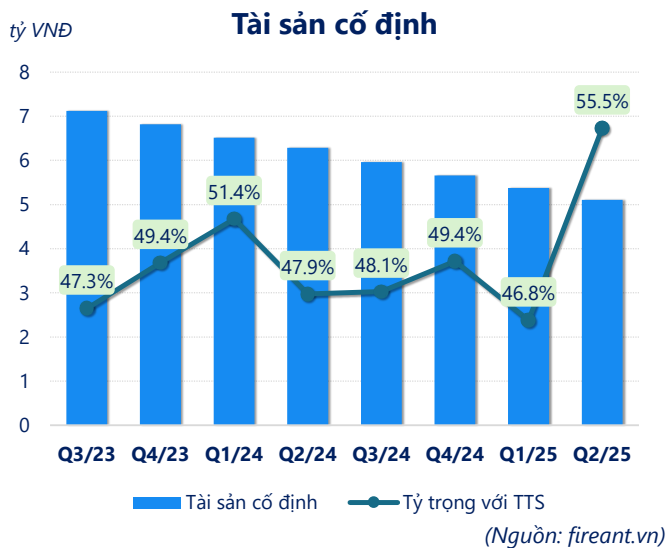
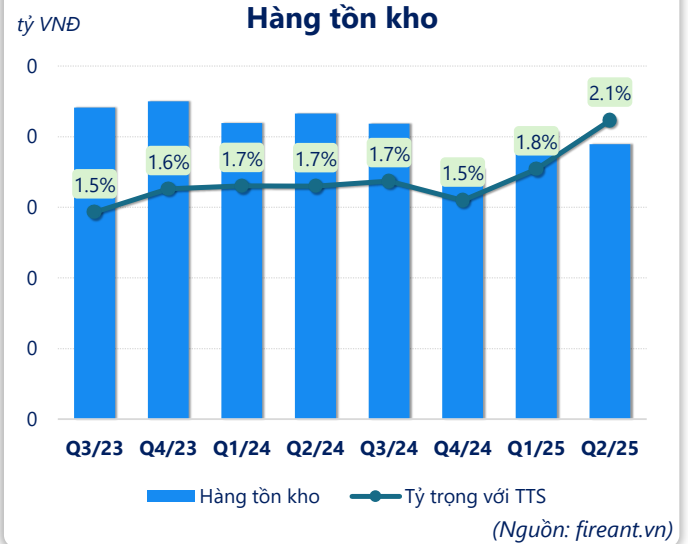
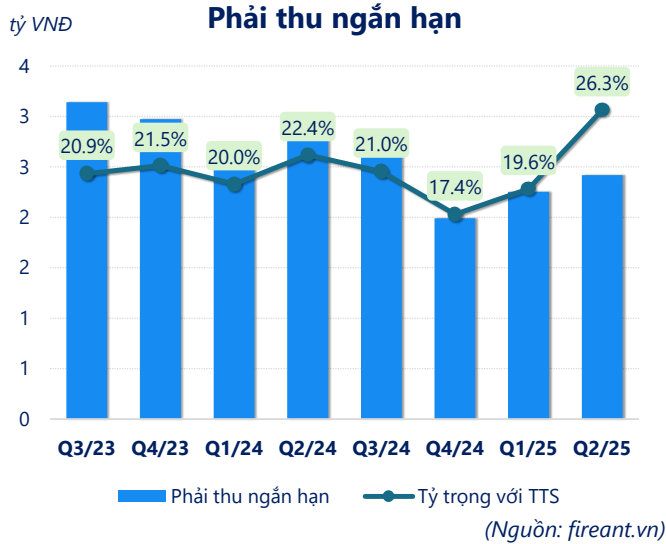
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	13.1	12.4	11.4	11.5	9.21
Tài sản ngắn hạn	5.26	4.88	4.22	4.56	4.10
Tiền và tương đương tiền	0.97	0.70	0.92	1.13	0.74
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	2.94	2.61	1.99	2.25	2.42
Hàng tồn kho	0.22	0.21	0.18	0.20	0.19
Tài sản ngắn hạn khác	1.13	1.36	1.14	0.98	0.74
Tài sản dài hạn	7.85	7.53	7.22	6.94	5.11
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	6.29	5.96	5.66	5.38	5.11
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	1.56	1.56	1.56	1.56	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	0	0	0	0	0
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	1,494	1,500	1,516	1,518	1,521
Nợ ngắn hạn	1,493	1,499	1,515	1,517	1,520
Vay và nợ thuê ngắn hạn	439	435	440	441	444
Phải trả người bán ngắn hạn	24.4	24.5	24.7	24.8	24.9
Nợ dài hạn	1.08	1.08	1.07	1.07	1.07
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	-1,481	-1,488	-1,504	-1,507	-1,512
Vốn chủ sở hữu	-1,481	-1,488	-1,504	-1,507	-1,512
Vốn điều lệ	208	208	208	208	208
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)